**TUẦN 6**

***Thời gian thực hiện: Thứ hai, ngày 14/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 2: Tiếng Việt**

**ĐỌC: Bài 11. HANG SƠN ĐOÒNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ (1 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- **Đọc thành tiếng:** Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản thông tin này. Biết thể hiện ngữ điệu phù hợp, thể hiện sự say mê, ngưỡng mộ với vẻ đẹp kì vĩ của hang động được mệnh danh là đẹp nhất hành tinh; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí theo đúng mạch văn bản; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;

- **Đọc hiểu:** Nhận biết được các thông tin nổi bật, hiểu nội dung của đoạn và văn bản, bộc lộ được ý kiến của bản thân về những thông tin đã tiếp nhận được sau khi đọc văn bản. Nhận biết được những thông tin nổi bật về hang Sơn Đoòng (niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang), biết phân bố bố cục của văn bản, tìm được ý chính trong mỗi đoạn, hiểu được nội dung của từng đoạn, cũng như chủ đề của toàn bài đọc.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước Việt Nam.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Giúp HS quan sát cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên ở hang Sơn Đoòng và từ đó khơi gợi trí tò mò, hứng thú để bước vào bài học mới.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho HS xem video Những sự thật thú vị về hang động Sơn Đoòng:  - GV yêu HS làm việc theo nhóm đôi và thảo luận: Trao đổi với bạn về những điều thú vị khi em biết đến hang động Sơn Đoòng.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm đôi trình bày ý kiến trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr.56, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:    Bài đọc **Hang Sơn Đoòng – Những điều kì thú** đã nói về quá trình hình thành, kích thước rộng lớn và hệ sinh thái đặc biệt, nguyên sơ. | | - HS xem video  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS trình bày ý kiến trước lớp, các HS khác lắng nghe.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe và ghi tên bài | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu: giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản  + Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  - Cách tiến hành: | | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.**  - GV đọc mẫu lần 1: Đọc với giọng đọc diễn cảm, thể sự tự hào, say mê, thích thú, tự hào, chú ý tới những chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ quan trọng trong văn bản.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm và trả lời hai câu hỏi sau:  (1) Theo em, văn bản này có mấy đoạn?  Bài chia 4 đoạn, nhưng cấu trúc thành 3 phần (câu đầu là câu dẫn dắt người đọc vào nội dung văn bản).  + Đoạn 1: từ đầu đến ngay dưới mặt đất.  + Đoạn 2: tiếp theo đến 40 tầng.  + Đoạn 3: phần còn lại.  (2) Trong 3 đoạn đó, trừ câu mở đầu, ba đoạn có điểm gì giống nhau? Theo em điểm đó thể hiện ý nghĩa gì cho nội dung của từng đoạn?  - GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV cho HS luyện đọc một số từ khó: Sơn Đoòng, vết đứt gãy, Rào Thương, sầm uất,…  - Luyện đọc ngắt giọng ở những câu dài:  + Luyện đọc ngắt giọng ở những câu dài:  Hang Sơn Đoòng/ được **hình thành** từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn,/ **bị dòng nước sông** Rào Thương **bào mòn liên tục**/ trong **một khoảng thời gian dài** (từ 2 đến 5 triệu năm).//  + Cây cối ở đây khá mỏng manh,/ dù là cây thân gỗ.// Sơn Đoòng/ còn là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật,/ trong đó/ có một số loài cá,/ nhện,/ cuốn chiếu,/ bọ cạp,.../ với đặc diểm chung là/ không có mắt/ và cơ thể trong suốt.//  - GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm.  - GV nhận xét, tuyên dương | | | - Hs lắng nghe GV đọc.  - HS thảo luận trong 3 phút và trả lời hai câu hỏi của GV  - HS lắng nghe GV chia đoạn  - Ba đoạn đều có phần in đậm, chúng là chủ đề, là thông tin có ý nghĩa khái quát cho nội dung từng đoạn.  - 3 HS đọc nối tiếp đoạn.  - HS luyện đọc từ khó  - HS luyện đọc câu dài  - HS đọc theo nhóm  - HS lắng nghe |
| **3. HĐ luyện tập.**  - Mục tiêu:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  - Cách tiến hành: | | | |
| **3.1. Giải nghĩa từ:**  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  **+ Rừng nguyên sinh:** rừng tự nhiên chưa hoặc ít bị tác động bởi con người, chưa làm thay đổi cấu trúc của rừng.  **+ Trú ngụ:** chốn nương náu, trú ẩn. | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó. | | |
| **3.2. Tìm hiểu bài:**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Những câu được in đậm trong văn bản cho biết điều gì?  + Câu 2:  + Câu 3: Những chi tiết nào cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn?  + Câu 4: Nêu những điều đặc biệt của hệ sinh thái trong hang Sơn Đoòng.  + Câu 5: Tưởng tượng em là hướng dẫn viên du lịch, hay giới thiệu hang Sơn Đoòng với du khách.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.  - GV nhận xét và chốt:  **Bài đọc cung cấp thông tin về niên đại, độ lớn và hệ sinh thái đặc biệt của hang Sơn Đoòng. Qua bài đọc, ta càng thêm tự hào trước vẻ đẹp thiên nhiên của đất nước Việt Nam.**  **3.3. Luyện đọc lại:**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản: Giọng đọc ngạc nhiên, nghi vấn, bất ngờ về hang Sơn Đoòng chứa nhiều điều kì thú.  + Giáo viên đọc mẫu.  + HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp.  + Thi chọn người đọc hay nhất  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp. | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Những câu in đậm cho biết 3 nội dung chính của bài, cũng là 3 điều kì thú về hang Sơn Đoòng: niên đại của hang (đoạn 2); độ lớn của hang (đoạn 3); hệ sinh thái đặc biệt của hang (đoạn 4).  + Hang Sơn Đoòng được hình thành từ:  •Vết đứt gãy của dãy Trường Sơn  •Bị nước song Rào Thương bào mòn liên tục trong nhiều năm liền (từ 2 đến 5 triệu năm)  + Những chi tiết cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn là:  •Chiều dài ước tính 9 ki-lô-mét.  •Thể tích 38,5 triệu mét khối.  •Có thể chứa tới 68 máy bay Bô-ing 777 hoặc cả khu phố sầm uất với những tòa nhà cao 40 tầng.  + Sơn Đoòng sở hữu hệ sinh thái đặc biệt, nguyên sơ. Trong hang có cả một khu rừng nguyên sinh với động thực vật rất phong phú và khác lạ. Cụ thể: thực vật rất mỏng manh, động vật không có mắt và cơ thể trong suốt.  + HS làm việc nhóm để thực hiện câu 5.  - HS lắng nghe  - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học  - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.  - HS nghe Gv hướng dẫn.  + HS cùng nhau đọc diễn cảm  + HS bình chọn  - HS lắng nghe | | |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Hang Sơn Đoòng – Những điều kì thú.”  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà : Chia sẻ với người thân về bài đọc.  + Đọc trước Tiết 2: Luyện từ và câu – Luyện tập về đại từ (tiếp theo). | | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….………………………....

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………

**-----------------------------------------------**

**Tiết 3: Tiếng Việt:**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố lại kiến thức về từ đồng nghĩa; biết sử dụng các từ đồng nghĩa trong những tình huống cụ thể.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tvề từ đồng nghĩa ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. HĐ khởi động:**  - Mục tiêu:  + Củng cố được những hiểu biết về từ đồng nghĩa mà HS đã được tìm hiểu ở tiết trước. Khơi gợi trí tò mò, sự hứng thú của HS.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi **Ai giỏi nhất?**  - GV phát phiếu học tập dưới đây và yêu cầu HS làm việc nhóm.  Tìm và nối các cột từ có ý nghĩa tương đồng ở cột A với các từ ở cột B?   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Má, u, bầm | Tàu hỏa | | Cha, thầy | Mẹ | | Xe lửa | Bố | | Hùm, cọp | Hổ |   - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm:  + Má, u, bầm – mẹ.  + Cha, thầy – bố.  + Xe lửa – tàu hỏa.  + Hùm, cọp – hổ.  - GV nêu câu hỏi: Theo em, các từ có nghĩa tương đồng (giống nhau) như vậy được gọi là từ gì?  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS tham gia chơ  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS trả lời  - HS lắng nghe, tiếp thu. | |
| **2. HĐ luyện tập.**  - Mục tiêu:  - Giúp HS nhận ra, biết sử dụng và đánh giá được tác dụng về từ đồng nghĩa trong bài tập.  - Vận dụng kiến thức đã học làm cái bài tập và câu hỏi liên quan  - Cách tiến hành: | | |
| **Bài 1:** Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa trong mỗi thành ngữ dưới đây:  **G:** Từ cần tìm đồng nghĩa với từ in đậm trong mỗi thành ngữ    + GV tổ chức cho HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  a. Ngày **lành** tháng **tốt**  b. Năm **lần** bảy **lượt**  c. Sóng **yên** biển **lặng**  d. **Cầu** được **ước** thấy  e. Đao **to** búa **lớn**  g. Đi đến **nơi** về đến **chốn**  **Bài 2:** Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây:  Góc sân **nho nhỏ** mới xây  Chiều chiều em đứng nơi này em **trông**  Thấy trời xanh biếc **mênh mông**  Cánh cò chớp trắng trên sông Kinh Thầy …  (Trần Đăng Khoa)  + GV tổ chức cho HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:   * Đồng nghĩa với nho nhỏ: nhỏ bé, bé nhỏ, be bé,… * Đồng nghĩa với trông: nhìn, xem, coi,… * Đồng nghĩa với mênh mông: bao la, bát ngát, mông mênh,…   - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu BT3: Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn    + GV cho HS hoạt động theo nhóm Mảnh ghép và các nhóm ghi lại kết quả thảo luận vào VBT.  + GV tập hợp lại các đáp án của từng nhóm và yêu cầu HS phát biểu.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa **bé nhỏ**, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất. Mặt đất đã **khô cằn** bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, **trong lành**. Mặt đất lại **dịu mềm**, lại cần mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho cây **sức sống** tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mùa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT4: Viết đoạn văn (4 – 5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2 – 3 từ đồng nghĩa.  + GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ hoạt động.  - HS thảo luận nhóm  - HS chia sẻ trước lớp  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - Hs đọc yêu cầu bài tập  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc đề bài.  - HS đọc đề bài.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV nêu câu hỏi: Trong câu văn dưới đây, từ nào đồng nghĩa với nhau?  Cánh đồng làng em rộng bát ngát, trải dài bao la vô tận, gợi một cảm giác xanh ngợp tới chân trời.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Từ đồng nghĩa: Bát ngát – bao la  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….…………………………

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 4: Toán**

**BÀI 16: SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)-Tiết 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và hoàn thiện các kỹ năng chuyển hỗn số thành số thập phân; kĩ năng đọc, viết số thập phân; Làm quen với việc sử dụng số thập phân trong đọc, viết các số đo đại lượng.

- Dùng thước thẳng đo được độ dài của một số đồ dùng học tập, ghi lại kết quả đo với đơn vị xăng-ti-mét.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học,...

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Máy tính.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - Khởi động qua trò chơi “Bắn tên”, HS hỏi đáp nối tiếp những nội dung liên quan đến bài trước: Số Thập phân.  - Nhận xét, tuyên dương các bạn có câu trả lời đúng.  - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?  - GVNX, giới thiệu bài. | - HS hỏi đáp trước lớp.  - HS chia sẻ.  - HS ghi bài. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **\* Mục tiêu:** HS nhận biết cấu tạo, thành phần của số thập phân. | |
| **\* Cách tiến hành:**  a. - GV đưa hỗn số 1 , yêu cầu HS thực hiện các thao tác:  + Viết dưới dạng 1,3.  GV hướng dẫn cách đọc: một phẩy ba.  Và số 1,3 gọi là số thập phân. Giá trị của 1,3 = 1 .  Thực hiện tương tự với số thập phân 2,47.  **b.** HS quan sát bảng và nhận biết cấu tạo (các thành phần) của số thập phân:  - GV nhận xét, chốt KT.  - Yêu cầu HS tự tìm một vài STP tương tự rồi nêu cách đọc, viết các STP đó. | - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  + Số thập phân gồm có phần nguyên và phần thập phân.  + Dấu phẩy (ngăn cách hai phần).  + Các chữ số thuộc từng hàng tương ứng (mỗi chữ số thuộc một hàng). |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **\*Mục tiêu:** - Củng cố và hoàn thiện các kỹ năng chuyển hỗn số thành số thập phân; kĩ năng đọc, viết số thập phân; Làm quen với việc sử dụng số thập phân trong đọc, viết các số đo đại lượng. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1:** - HS đọc đề bài và xác định yêu cầu.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - HD HS tiến hành các thao tác:  + Nhận biết phần nguyên và phần phân số của các hỗn số đã cho.  + Viết phần nguyên cùa hỗn số là phần nguyên của số thập phân.  + Viết dấu phẩy.  + Viết phần phân số của hỗn số thành phần thập phân của số thập phân.  + Đọc số thập phân vừa nhận được.  =>Củng cố kĩ năng chuyển hỗn số thành PSTP, đọc STP.  **Bài 2:** a. - GV phân tích mẫu.  - Yêu cầu HS hoạt động N2, đọc cho nhau nghe.  - GV chốt lại 2 cách đọc.  b. Viết STP  - GV chấm bài, nhận xét.  - Em hãy nêu lại các bước viết STP. | HS làm bài.  - 1 HS làm trên bảng lớp.  - HS quan sát, lắng nghe.  - Làm bài trong N2.  - HS làm bài cá nhân.  + Viết các chữ số ở phần nguyên.  + Viết dấu phẩy.  + Viết các chữ số ở phần thập phân. |

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Hoạt động vận dụng** | |
| **\*Củng cố, dặn dò**  - Tiết học vừa rồi chúng ta đã ôn những nội dung gì?  - Về nhà các em ôn về cách đọc, viết các dạng STP vừa được học. | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….…………………………

…………………………………………………….……………………………………

**---------------------------------------------------**

***Thời gian thực hiện: Thứ ba, ngày 15/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 1: Tiếng Việt**

**VIẾT: VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh

- Nắm được thành thạo cấu tạo, hình thức của một bài văn tả phong cảnh.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm vài tả phong cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Biết cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK, VBT, vở ô li và đồ dùng học tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. HĐ khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết mở bài và kết bài tả cây cối, con vật đã học ở lớp 4.  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm:  + Mở bài: trực tiếp và gián tiếp.  + Kết bài: mở rộng và không mở rộng.  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em đã biết hai cách mở bài (mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp) và hai cách kết bài (kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng) cho bài văn miêu tả (tả cây cối, tả con vật). Tiết học này, các em tiếp tục tìm hiểu và luyện tập viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh. | - HS nhắc lại kiến thức đã học.  - HS chú ý lắng nghe. | | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu:  - Nắm được các cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.  - Nắm được kĩ thuật viết mở bài và kết bài.  - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT1: So sánh các cách mở bài và kết bài dưới đây. Em thích cách viết nào hơn? Vì sao?    + GV tổ chức hoạt động cho HS theo kĩ thuật Mảnh ghép và Khăn trải bàn   * 1/2 lớp sẽ đi so sánh mở bài * 1/2 lớp sẽ đi so sánh kết bài * 2 nhóm tập hợp đáp án và rút ra kết luận   + GV mời các nhóm đại diện lên trình bày kết quả, nhóm khác lắng nghe và nhận xét.  + GV nhận xét, chốp đáp án:  Về mở bài: Hai cách mở bài đều giới thiệu tên phong cảnh, cũng là địa điểm có phong cảnh và những cảnh vật nổi bật, để lại ấn tượng cho mọi người nhất (nơi có nhiều hoa, nhiều thông và nhiều hồ nước đẹp). Mỗi cách mở bài có ưu điểm riêng:   * Mở bài trực tiếp: ngắn gọn nhưng hàm súc, dễ nhớ và tạo ấn tượng mạnh. * Mở bài gián tiếp: đoạn văn có nhiều câu hơn, có nhiều thông tin hơn.   Về kết bài: Hai cách kết bài đều nhấn mạnh ấn tượng về vẻ đẹp của phong cảnh. Mỗi cách kết bài đều có cái hay riêng.   * Kết bài không mở rộng: ngắn gọn, súc tích, gây ấn tượng với người đọc. * Kết bài mở rộng: làm cho ý của kết bài phong phú hơn, tạo kết nối với người đọc dễ dàng hơn.   - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc và xác định yêu cầu đề bài  - HS hoạt động theo nhóm  - HS trình bày trước lớp  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và tiếp thu | |
| **-** GV tổ chức hoạt động cho HS xác định yêu cầu nhiệm vụ BT2:  Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài Bốn mùa trong ánh nước.  - GV chia nhóm cho HS thảo luận, cả lớp chia làm bốn nhóm thực hiện kĩ thuật Mảnh ghép:  + 1/2 lớp viết mở bài gián tiếp  + 1/2 lớp viết kết bài mở rộng  - GV gợi ý cho HS cách viết:  + Đối với mở bài gián tiếp, HS cần đưa những câu thơ/ châm ngôn/ ca dao/ tục ngữ/ thành ngữ để dẫn dắt, giới thiệu về phong cảnh Hồ Hoàn Kiếm, đưa ra những điển tích điển cố về Hồ Hoàn Kiếm, hoặc gợi ra những câu chuyện liên quan đến Hồ Hoàn Kiếm.  + Đối với kết bài mở rộng, HS có thể giải thích vì sao người dân mọi miền đất nước về thăm Hà Nội bao giờ cũng đến Hồ Hoàn Kiếm, những giá trị vật chất, tinh thần và văn hóa của Hồ Hoàn Kiếm, tưởng tượng sau này lớn lên và nhớ về Hồ Hoàn Kiếm cùng những kỉ niệm đã có Hồ Hoàn Kiếm.  - GV mời đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét. GV tuyên dương những nhóm làm việc nghiêm túc, đạt hiệu quả; nhắc nhở những nhóm làm việc chưa có hiệu quả.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS xác định yêu cầu đề bài  - GV thảo luận nhóm  - HS trình bày trước lớp  - HS lắng nghe | |
| **3. HĐ luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Rút ra được những lưu ý khi viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV giao nhiệm vụ HS đọc BT3: Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh:  **G:**  Khi viết mở bài gián tiếp, có thể bắt đầu như thế nào để dẫn vào phần giới thiệu phong cảnh?   * Nhớ về một số nơi có phong cảnh đẹp em từng đến thăm hoặc được xem trên ti vi, trong tranh ảnh,… * Nghe một bài hát hoặc đọc một bài thơ, bài văn,… có nhắc đến vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,…   Khi viết kết bài mở rộng, nên mở rộng theo hướng nào?   * Nghĩ về những người thầm lặng góp sức, chung tay giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,… * Tưởng tượng về những thay đổi của cảnh vật thiên nhiên theo thời gian,…   + GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả.  + GV mời 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - Hs thảo luận nhóm  - HS chia sẻ kết quả trước lớp  - HS lắng nghe |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc và yêu cầu **BT4:** Chia sẻ với người thân nội dung mở bài và kết bài em đã viết:  + GV tổ chức cho HS trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  - Dặn dò bài về nhà. | - HS xác định yêu cầu BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ đáp án.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….………………………....

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………

--------------------------------------------

**Tiết 2: Toán**

**BÀI 16: SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và hoàn thiện các kỹ năng chuyển hỗn số thành số thập phân; kĩ năng đọc, viết số thập phân; Làm quen với việc sử dụng số thập phân trong đọc, viết các số đo đại lượng.

- Dùng thước thẳng đo được độ dài của một số đồ dùng học tập, ghi lại kết quả đo với đơn vị xăng-ti-mét.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học,...

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Máy tính.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 và đồ dùng học tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động:** | |
| - Khởi động qua trò chơi “Bắn tên”, HS hỏi đáp nối tiếp những nội dung liên quan đến bài trước: Số Thập phân.  - Nhận xét, tuyên dương các bạn có câu trả lời đúng.  - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì?  - GVNX, giới thiệu bài. | - HS hỏi đáp trước lớp.  - HS chia sẻ.  - HS ghi bài. |
| **2. HĐ luyện tập**  **\* Mục tiêu:** HS nhận biết cấu tạo, thành phần của số thập phân. | |
| **Bài 3:** a. Đọc STP  - GV phân tích cách đọc mẫu.  - Yêu cầu HS tự làm bài trong N2.  - GV chốt cách đọc thứ 3 về đọc STP.  b. Viết STP  - Gọi 1 HS làm trên bảng lớp.  - HS khác làm VBT.  - GV chấm, nhận xét.  => Chốt cách đọc, viết STP.  c. Yêu cầu HS HĐ N2, nói cho bạn nghe từng chữ số trong mỗi STP ở phần a thuộc hàng nào.  **Bài 4:** HS đọc và xác định yêu cầu.  - Yêu cầu HS quan sát thước thẳng để nhận biết STP chỉ số đo chiều dài của chiếc bút màu và quan sát cân để nhận biết STP chỉ cân nặng của quả dứa.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  => Chốt cách quan sát, đọc STP. | - HS làm việc N2, đọc cho nhau nghe.  - 1 HS làm bảng lớp.  - HS quan sát sau đó nêu STP thích hợp, rồi đọc các số đo tương ứng vừa tìm được. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  **\* Mục tiêu:** Áp dụng kiến thức đã học vào vận dụng trong thực tế. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 5:**  **-** Gọi HS đọc và xác định yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoạt động theo N6: Dùng thước thẳng đo độ dài của 1 số đồ dùng học tập. Ghi lại kết quả đo với đơn vị là cm.  - GV theo dõi, giúp đỡ nhóm còn lúng túng.  - Nhận xét, tuyên dương nhóm làm việc tốt.  **\*Củng cố, dặn dò**  - Tiết học vừa rồi chúng ta đã ôn những nội dung gì?  - Về nhà các em ôn về cách đọc, viết các dạng STP vừa được học. | - HS thực hành đo.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….…………………………

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………------------------------------------------------------

**Tiết 3: HĐTN**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: SỰ THAY ĐỔI CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận diện được sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ.

**2. Năng lực**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: thực hiện triển lãm Hành trình lớn khôn.

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong hoạt động nối tiếp và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.

- Phiếu tổng hợp tư liệu, sản phẩm cá nhân,…

- Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**2. Đối với học sinh**

- SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.

- Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.

- Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi “**Tôi trưởng thành!”**  - GV phổ biến luật chơi: Quản trò hô “Tôi trưởng thành! Tôi trưởng thành!”, cả lớp trả lời: “Trưởng thành về điều gì?”. Quản trò sẽ đưa ra yêu cầu: “Trưởng thành vì…” và cả lớp thể hiện yêu cầu của quản trò bằng hành động, trò chơi tiếp tục theo lệnh của quản trò.  - GV lấy ví dụ để HS hiểu rõ luật chơi:  + Quản trò hô “Trưởng thành vì tự tin hơn” → cả lớp nở nụ cười.  + Quản trò hô “Trưởng thành vì là người tự tin” → cả lớp đứng thẳng vai, mắt nhìn vào người đối diện.  - GV nhận xét, tổng kết trò chơi.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ: Sau khi chơi xong, em đã thấy được những đặc điểm cho thấy sự trưởng thành của bản thân chưa? Đó là đặc điểm gì?  - GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài học: Trò chơi giúp em nhận biết được những đặc điểm trưởng thành của bản thân. Những đặc điểm đó thể hiện và biểu hiện thế nào ở mỗi cá nhân, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – **Tuấn 6 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Sự thay đổi của em.**  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Sáng tạo tác phẩm Hành trình khôn lớn**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sáng tạo được tác phẩm Hành trình khôn lớn để thể hiện những sự thay đổi của bản thân từ nhỏ đến hiện tại.  **b. Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu HS chuẩn bị:  + Các bức ảnh, tư liệu về bản thân được lưu giữ từ nhỏ đến thời điểm hiện tại.  + Giấy khổ lớn, bút màu, kéo, hồ dán...  - GV hướng dẫn HS sáng tạo tác phẩm Hành trình khôn lớn theo gợi ý:  + Tập hợp các bức ảnh, tư liệu về bản thân được lưu giữ từ nhỏ đến thời điểm hiện tại.  + Suy nghĩ về ý tưởng thể hiện tác phẩm có nội dung thể hiện sự thay đổi của bản thân.  + Lựa chọn hình thức thể hiện tác phẩm phù hợp: an-bum, tranh vẽ, lược đồ, sơ đồ, truyện tranh...  + Vẽ tranh hoặc sắp xếp các bức ảnh, tư liệu về bản thân theo tưởng tượng của em.  + Viết chú thích cho các bức tranh, ảnh.  + Trang trí tác phẩm thật sinh động, hấp dẫn.  - GV tổ chức cho các nhóm tham gia chơi Đố bạn.  - GV cho HS quan sát mẫu SGK tr.19 để tham khảo.    - GV tổ chức cho HS tiến hành sáng tạo tác phẩm Hành trình khôn lớn theo ý tưởng của mình.  - GV khen ngợi HS đã tích cực tham gia vào hoạt động sáng tạo tác phẩm Hành trình khôn lớn để thể hiện những thay đổi của bản thân.  **Hoạt động 2: Triển lãm tác phẩm Hành trình khôn lớn.**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giới thiệu về sự thay đổi của bản thân thể hiện qua tác phẩm Hành trình khôn lớn.  - Thể hiện được sự tự hào về những thay đổi tích cực của bản thân.  **b. Cách tiến hành:**  **Nhiệm vụ 1: Thảo luận và thống nhất ý tưởng trưng bày các tác phẩm**  - GV giới thiệu nội dung, ý nghĩa hoạt động triển lãm các tác phẩm Hành trình khôn lớn.  - GV hướng dẫn HS thảo luận và thống nhất ý tưởng trưng bày các tác phẩm.  - GV gợi ý các nhóm trưng bày vào 4 – 6 góc trong lớp học.  - GV hướng dẫn HS sắp xếp các tác phẩm vào khu vực trưng bày.  - GV tổ chức cho HS đi xem tác phẩm của các bạn và tặng sao và dán sticker cho tác phẩm mình yêu thích.  **Nhiệm vụ 2: Giới thiệu về sự thay đổi của bản thân thể hiện qua tác phẩm**  - GV mời một số HS chia sẻ suy nghĩ và cảm nhận của bản thân sau khi xem triển lãm theo gợi ý:  + Em thích tác phẩm của bạn nào nhất? Vì sao?  + Em nhận ra bản thân đã thay đổi như thế nào trong hành trình khôn lớn của mình?    - GV kết luận: Tác phẩm Hành trình khôn lớn thể hiện những thay đổi tích cực trong quá trình khôn lớn và những trưởng thành của các em. Hãy cố gắng tích cực rèn luyện bản thân mỗi ngày để luôn thấy tự hào về bản thân mình nhé!  **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức đã học về Sự thay đổi của em.  **b. Cách tiến hành**  **Bài tập trắc nghiệm:**  - GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:  **Câu 1:** Theo em, trưởng thành là gì?  A. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức và hành động.  B. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ.  C. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong suy nghĩ và hành động.  D.Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ và hành động  **Câu 2:** Thể chất là gì?  A. Là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền.  B. Là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống.  C. Là những đặc trưng ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do điều kiện sống.  D. Là những đặc trưng ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống.  **Câu 3:** Nhận định nào sau đây là đúng?  A. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt hình thái, tính cách. Những yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.  B. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt hình thái. Yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.  C. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt đặc điểm, hình thái. Những yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.  D. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt đặc điểm, hình thái, tính cách. Những yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.  **Câu 4:** Đâu là tính từ miêu tả sự thay đổi về dáng vẻ bên ngoài?  A. Tỉ mỉ.  B. Chăm chỉ.  C. Khôn khéo.  D. Chững chạc.  **Câu 5:** Theo em, thói quen là quá trình gì?  A. Luyện tập với cường độ cao trong thời gian quy định.  B. Thực hiện liên tục, có kế hoạch trong một thời gian dài.  C. Rèn luyện với tần suất giảm dần trong thời gian ngắn.  D. Phối hợp giữa học tập và rèn luyện trong thời gian quy định.  - GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | Đáp án | D | B | C | D | B |   **\* Củng cố**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* Dặn dò**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Giới thiệu tác phẩm Hành trình khôn lớn với người thân. | - HS tích cực tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe luật chơi.  - HS lắng nghe, vỗ tay.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.  - HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS quan sát, tham khảo.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe tiếp thu.  - HS tham gia chơi.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS sắp xếp.  - HS đi xem tác phẩm.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc cá nhân.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu  - HS lắng nghe, ghi chú. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….………………………....

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………

--------------------------------------------------

**Buổi chiều**

**Tiết 1+2: Khoa học**

**Bài 5: NĂNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT- TIẾT 2 +3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời

sống và sản xuất.

- Trình bày được sự cần thiết và một số biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt.

* Nêu và thực hiện được việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự học: HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin qua sách báo, internet.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS trao đổi, trình bày ý kiến về vai trò của chất đốt và về biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS giải quyết một số tình huống dẫn tới nguy cơ cháy, nổ, ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt, sử dụng chất đốt tiết kiệm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất yêu nước: HS có ý thức bảo vệ môi trường .

- Phẩm chất chăm chỉ: HS ham tìm hiểu, học hỏi.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Tranh ảnh, clip sưu tầm thêm về các nguồn năng lượng, về sử dụng năng lượng chất đốt.

**2. Học sinh**

- SGK, VBT, Bút dạ, bút màu, giấy A3.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| **+** Kể tên cácnguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, ....  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | + HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá kiến thức mới**  **NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT**  ***Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò một số loại chất đốt***  **a) Mục tiêu**: Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.  **b) Cách tiến hành** | |
| *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu HS quan sát các hình 7 – 10, trang 25 SGK, thảo luận :  + Kể tên chất đốt được sử dụng trong hình.  + Nêu vai trò của chúng  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  - GV mời một số đại diện nhóm HS trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   * GV nhận xét, bổ sung , kết luận về một số chất đốt.   - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Em có biết, trang 25 SGK, có thể giới thiệu thêm hình ảnh, clip về khai thác, sản xuất chất đốt.  *Bước 3. Làm việc nhóm*  - GV cho HS làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi trong mục Thảo luận và Luyện tập, Vận dụng, trang 26 SGK:  1. Than đá được sử dụng vào những việc gì? Ngoài than đá, kể tên một số loại than khác mà em biết.  2. Xăng, dầu được sử dụng vào việc gì?  3. Nêu ích lợi của việc sử dụng khí sinh học.  4. Gia đình và địa phương em thường sử dụng chất đốt vào những việc gì?  *Bước 4. Làm việc cả lớp*  GV yêu cầu một số nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm  - HS chia sẻ  + Hình 1: Chất đốt là than. Than cháy sinh ra năng lượng làm quay tua bin chạy máy phát điện và sinh ra điện.  + Hình 2: Chất đốt là ga. Ga cháy sinh ra năng lượng nhiệt làm thức ăn chín.  + Hình 3: Chất đốt là củi. Củi cháy sinh ra năng lượng nhiệt làm thức ăn chín.  + Hình 4: Chất đốt là xăng dầu. Xăng dầu bị đốt cháy sinh ra năng lượng làm xe di chuyển được.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS thảo luận theo nhóm và chia sẻ   * Than được sử dụng làm chất đốt trong gia đình, ở lò hơi của nhà máy nhiệt điệt, luyện kim, .... * Các loại than khác: than bùn, than củi, than họa tính, than chì, than cốc, than mỏ * Xăng dầu dùng làm chất đốt để chạy máy móc * Khí sinh học là nguôn chất đốt được sử dụng trong đun nấu, tạo ra điện để thắp sáng, ....Sử dụng khí sinh học thay thế các chất đốt truyền thống giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm lượng chất thải, giảm hiệu ứng nhà kính gây biến đổi khí hậu… |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  ***Hoạt động 2: Thực hành tìm hiểu vai trò của chất đốt***  **a) Mục tiêu:**  - Thu thập, xử lí thông tin và trình bày (bằng những hình thức khác nhau) về vai trò của chất đốt.  **b) Cách tiến hành:** | |
| *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu nhóm trưởng cùng các bạn trong nhóm:  - Lựa chọn một trong các chủ đề về vai trò của chất đốt.  - Phân công trong nhóm, tiến hành thu thập thông tin, hình ảnh theo chủ đề đã chọn. – Tổng hợp và trình bày kết quả của nhóm.  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  - GV cho một số nhóm báo cáo và thảo luận chung cả lớp.  - GV nhận xét, khen ngợi  - Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Chìa khoá, trang 26 SGK. | - HS thảo luận theo nhóm và viết kết quả thảo luận ra giấy A3   * Đại diện nhóm trình bày * HS đọc |
| **SỬ DỤNG CHẤT ĐỐT AN TOÀN VÀ TIẾT KIỆM** | |
| ***Hoạt động 3: Tìm hiểu nguy cơ mất an toàn khi sử dụng chất đốt trong một số tình huống***  **a) Mục tiêu**: Nhận ra nguy cơ mất an toàn khi sử dụng chất đốt trong một số tình huống.  **b) Cách tiến hành** | |
| *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu HS quan sát các hình 11 và 12, trang 26 SGK và xác định nguy cơ gây mất an toàn khi sử dụng chất đốt trong mỗi tình huống.  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu một số nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV yêu cầu HS tìm thêm ví dụ về tình huống gây ra cháy, nổ khi sử dụng chất đốt và cho HS chia sẻ trước lớp về kết quả.  - GV nhận xét | - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  *+ Nguy cơ có thể xảy ra ở hình 11: Trong trường hợp sử dụng điện thoại di động tại các cây xăng, nếu không may, xung quanh chỗ người sử dụng cỏ nồng độ xăng dầu đủ lớn để phát hoả thì có thể gây ra chảy, nổ rất nguy hiểm.*  *+ Nguy cơ có thể xảy ra ở hình 12: Cây nền đang chảy có thể bị rơi xuống bàn làm chảy các cuốn sách trên bàn. Nếu không dập tắt kịp thời có thể gây ra hoả hoạn.*  - HS nêu:  + Sang chiết ga không an toàn, chất đốt để gần tủ điện, xe máy để gần nơi hàn điện, quên tắt bếp khi đi ra ngoài, để các vật dễ cháy gần bếp, ...   * HS lắng nghe |
| **Tiết 3** | |
| ***Hoạt động 4: Tìm hiểu biện pháp phòng chống cháy, nổ khi sử dụng chất đốt***  **a) Mục tiêu**: Trình bày được sự cần thiết và một số biện pháp phòng chống cháy nổ khi sử dụng an toàn chất đốt.  **b) Cách tiến hành** | |
| *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu HS quan sát các hình 13 – 15, trang 27 SGK, xác định sự cần thiết và biện pháp sử dụng an toàn chất đốt.  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu một số nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS tìm thêm ví dụ về biện pháp sử dụng an toàn chất đốt và cho HS chia sẻ trước lớp về kết quả  GV nhận xét, kết luận | - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm  HS trình bày:  Biện pháp phòng chống cháy, nổ khi sử dụng chất đốt trong các hình:  - Hình 13: Không để bình chứa và đường ống dẫn xăng, dầu, ga…bị rò rỉ.  - Hình 14: Không để các chất dễ cháy, nổ như ga, xăng, dầu, giấy, củi,..gần lửa.  - Hình 15: Trang bị bình chữa cháy, lắp đặt hệ thống cảnh báo.  + Sử dụng bếp ga có khóa ga tự động/ khóa ga sau khi sử dụng  + Có phương tiện chữa cháy ở nơi có sử dụng nhiều chất đốt  + Nhớ tắt bếp khi ngừng đun nấu,...  - HS lắng nghe và ghi nhớ |
| ***Hoạt động 5: Tìm hiểu biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt***  **a) Mục tiêu**: Trình bày được sự cần thiết và một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt.  **b) Cách tiến hành** | |
| *Bước 1. Làm việc cả nhân*  GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Con ong, trang 27 SGK để nhận ra các chất đốt khi cháy đều gây ra ô nhiễm môi trường, gây hại cho sức khoẻ con người. GV có thể gọi 2 – 3 HS trình bày lại những nội dung trên.  *Bước 2. Làm việc nhóm*  - GV yêu cầu HS quan sát các hình 16 – 18, trang 27 SGK, dựa vào thông tin được cung cấp trong mục Con ong, trang 27 SGK để thảo luận, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt được thể hiện trong mỗi hình trên.  *Bước 3. Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu một số nhóm trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Tiếp theo, GV yêu cầu HS tìm ví dụ thực tế về ô nhiễm môi trưởng khi sử dụng chất đốt và cho HS chia sẻ kết quả trước lớp.  - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Em có biết, trang 28 SGK, đồng thời có thể giới thiệu thêm về những tác động của biến đổi khí hậu đối với Việt Nam và toàn cầu.  <https://www.youtube.com/watch?v>=  L7KxvjRCjUg  - GV yêu cầu HS làm các câu 4, 5 Bài 5 VBT. | * HS đọc   - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm  Nguyên nhân:  + Do sử dụng chất đốt của các phương tiện giao thông (khỏi do ô tô, xe máy,...) gây ra; do sử dụng chất đốt trong nhà máy nhiệt điện; do sử dụng chất đốt trong đun nấu (củi, than,...).  Biện pháp:  - Sử dụng các thiết bị làm sạch khí thải trước khi thải ra môi trường.  - Kiểm tra, bảo dưỡng bộ phận lọc khí thải.  - Xây thêm các ống khói nơi có chất đốt.   * HS trả lời * HS đọc * HS xem video * HS làm bài |
| ***Hoạt động 6: Tìm hiểu biện pháp tiết kiệm chất đốt***   1. **Mục tiêu**:   - Nêu được việc làm thiết thực để tiết kiệm chất đốt.  - Thu thập, xử lí thông tin và trình bày (bằng những hình thức khác nhau) về biện pháp tiết kiệm chất đốt.  **b) Cách tiến hành** | |
| *Bước 1. Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu HS đọc nội dung ở mục Con ong, trang 28 SGK và trả lời câu hỏi: Vì sao chúng ta cần phải khai thác và sử dụng tiết kiệm chất đốt?  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm thực hành theo nhóm để thu thập thông tin, tìm hiểu về những việc làm tiết kiệm chất đốt.  *Bước 2. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu nhóm trưởng cùng các bạn trong nhóm thảo luận để:  - Phân công trong nhóm, tiến hành thu thập thông tin.  - Tổng hợp và trình bày kết quả của nhóm.  *Bước 3. Làm việc cả lớp*   * GV cho một số nhóm báo cáo và thảo luận chung cả lớp. * *GV nhận xét, kết luận* | * HS đọc và trả lời: Năng lượng chất đốt không phải là nguồn năng lượng vô tận. Nó sẽ cạn kiệt nếu ta sử dụng không tiết kiệm * HS nhận nhiệm vụ   Một số biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình.  - Điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với diện tích đảy nồi và phù hợp với  món ăn.  - Tắt thiết bị ngay khi sử dụng xong.  - Sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm năng lượng.  - Thay thế các phương tiện chạy bằng xăng dầu bằng phương tiện chạy bằng điện … |
| ***Hoạt động 7: Liên hệ, vận dụng kiến thức về sử dụng chất đốt an toàn, tiết kiệm***  **a) Mục tiêu:**  - Liên hệ, đánh giá về thực tế sử dụng chất đốt an toàn, tiết kiệm.  - Vận dụng kiến thức về sử dụng chất đốt an toàn, tiết kiệm trong đời sống.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi ở mục Luyện tập, vận dụng trang 28 SGK.  - GV yêu cầu HS chia sẻ với các bạn.  - Kết thúc tiết học, GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Chìa khoá, trang 28 SGK. − GV yêu cầu HS làm các câu 6, 7, Bài 5 VBT. | * HS trả lời và chia sẻ trước lớp * HS đọc và làm bài tập |
| **4. Hoạt động vận dụng**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** |  |
| - Về nhà hãy chia sẻ với người thân về ích lợi của việc sử dụng chất đốt trong đời sống.  - Nhận xét, đánh giá tiết học  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

------------------------------------------------------

***Thời gian thực hiện: Thứ tư, ngày 16/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 2+3: Tiếng Việt**

**ĐỌC: BÀI 12. NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Biết đọc diễn cảm, phù hợp với nội dung; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút; biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, giàu sức gợi tả, gợi cảm, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

- Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú như “trời bày đất đặt” của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

- Cảm nhận được cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,…của tác giả trong việc miêu tả hình dáng, sự sắp xếp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

**2. Năng lực**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên ; niềm tự hào về danh lam thắng cảnh của đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5.

- Tranh ảnh minh họa bài đọc.

- Tranh, ảnh, bài thơ, bài văn,…về thiên nhiên, cuộc sống.

- Tranh ảnh minh họa về vịnh Hạ Long.

- Máy tính.

**2. Học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS xem video Giới thiệu Vịnh Hạ Long – Di sản thiên nhiên độc đáo:  <https://www.youtube.com/watch?v=tqHdUvvHfpE>  - GV yêu HS làm việc theo nhóm đôi và thảo luận: Em hãy giới thiệu cảnh đẹp vịnh Hạ Long?  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm đôi trình bày ý kiến trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr.60, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:  Quê hương Việt Nam chúng ta thật nhiều cảnh đẹp, phong phú. Mỗi nơi mang vẻ đẹp đặc trưng của từng vùng. Bài đọc “**Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long**” đã miêu tả vẻ đẹp kỳ thú của những hòn đảo, đầy sống động và có những câu chuyện sự tích huyền bí. | - HS lắng nghe video.  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS trình bày ý kiến trước lớp, các HS khác lắng nghe.  - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu.. |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu: Giúp HS đọc đúng và diễn cảm bài Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long, biết  nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, giàu sức gợi tả , gợi cảm, giúp người đọc cảm  nhận được vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.  - Cách tiến hành: | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc**  - GV đọc mẫu lần 1:  - GV HD đọc: đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở  những từ ngữ gợi vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên  vịnh Hạ Long.  - GV chia đoạn: 3 đoạn:  + Đoạn 1: Từ “Vịnh Hạ Long” cho đến “rồng chầu, phượng múa”  + Đoạn 2: Từ “Đảo có chỗ sừng sững” cho đến “neo thuyền, phơi lưới”  + Đoạn 3: tiếp theo đến “một sự tích huyền bí”  + Đoạn 4: Còn lại  – GV hướng dẫn đọc:  + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ:  “ngăn khơi với lộng, nối mặt biển với chân trời”; “lúc neo  thuyền, phơi lưới”; “ông lão trầm tĩnh”,...  + Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, Ví dụ:  “Có chỗ/ đảo **dàn ra thưa thớt**,/ hòn này với hòn kia biệt  lập, /xa trông như quân cờ **bày chon von** trên mặt biển.”  “Có hòn trông như đôi gà /đang **xoè cánh chọi nhau** trên  mặt nước/ (hòn Gà Chọi);/ có hòn **bề thế** như mái nhà/  (hòn Mái Nhà);/ có hòn**/ chông chênh** như con cóc ngồi  bờ giếng/ (hòn Con Cóc), /có hòn/ như ông lão trầm  tĩnh ngồi câu cá /(hòn Ông Lã Vọng)  - GV hướng dẫn 2 HS đọc trước lớp (đọc nối tiếp các  đoạn trong bài).  - GV nhận xét việc đọc của các nhóm/ cả lớp | - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - HS quan sát  - HS đọc từ khó.  - HS diễn cảm  - Hs đọc nối tiếp đoạn  - HS lắng nghe |
| **2.2. Đọc hiểu**  - Mục tiêu:  + Giúp HS nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú như “trời bày đất đặt” của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Cảm nhận được cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... của tác giả trong việc miêu tả hình dáng, sự sắp xếp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long  - Cách tiến hành: | |
| **Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:**  - GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài.  Ví dụ:  + Trường thành: bức thành dài và vững chắc  + Khơi: vùng biển xa bờ.  + Lộng: vùng biển gần bờ  + Khuất khúc (tính từ): có nhiều đoạn quanh co, gấp khúc.  + Chon von (tính từ): trơ trọi ở trên cao, không có chỗ dựa chắc chắn  - GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục bài văn trước khi trả lời các câu hỏi dưới bài đọc  + Đoạn thứ nhất: Giới thiệu bao quát về vịnh Hạ Long với rất nhiều hòn đảo được xếp đặt độc đáo.  + Đoạn 2 và 3: Miêu tả bao quát toàn cảnh đảo trên vịnh Hạ Long và miêu tả hình dáng một số hòn đảo có hình dáng đặc biệt.  + Đoạn 4: Khẳng định Hạ Long là một bộ phận của non sông Việt Nam mà chúng ta yêu quý, bảo vệ, giữ gìn  **- Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đọc hiểu**  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong PHT dưới đây:  + Câu 1: Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?  + Câu 2: Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hóa xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào, tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó?  + Câu 3: Dựa vào bài đọc, em hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long?  + Câu 4: Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được “chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hóa đá”?  + Câu 5: Chủ đề của bài Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long là gì? Chọn đáp án đúng.  A. Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.  B. Sự thơ mộng, huyền bí của sóng nước Hạ Long.  C. Sức cuốn hút của thiên nhiên Hạ Long đối với du khách.  D. Những cảnh đẹp có một không hai của thiên nhiên.  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV nhận xét và chốt:*Bài đọc cho thấy vẻ kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Mỗi hòn đảo lại mang một dáng hình, vẻ đẹp riêng và chúng được xếp đặt vô cùng đặc sắc. Qua bài đọc, ta càng thêm tự hào trước thắng cảnh của đất nước Việt Nam.* | - Hs lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra từ điển.  - HS chú ý lắng nghe  + Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, khuất khúc như rồng chầu, phượng múa.   |  |  | | --- | --- | | Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, khuất khúc như rồng chầu, phượng múa. | Câu văn sử dụng biện pháp so sánh. | | Đảo có chỗ sừng sững, chạy dài như bức tường thành vững chãi, ngăn khơi với lộng, nối mặt biển với chân trời. | Câu văn sử dụng biện pháp so sánh. | | Có chỗ đảo dàn ra thưa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông như quân cờ bày chon von trên mặt biển. | Câu văn sử dụng biện pháp nhân hóa và so sánh. | | Có chỗ đảo quần tụ lại, xúm xít như vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới. | Câu văn sử dụng biện pháp nhân hóa và so sánh. |      |  |  |  | | --- | --- | --- | | Có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng (hòn Con Cóc) | Có hòn trông như đôi gà đang xòe cánh chọi nhau trên mặt nước (hòn Gà Chọ) | Có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng). |   + Khi ngắm đảo ở Hạ Long, tác giả có cảm giác được chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hóa đá vì hình dáng mỗi hòn đảo trên vịnh Hạ Long đều giống hình người hoặc vật quen thuộc (hình ảnh mái nhà, hình ảnh ông lão ngồi câu cá, hình con cóc, con gà, con rùa, con thiên nga,…). Những hòn đảo tụ họp lại bên nhau làm hiện lên thấp thoáng hình ảnh của sự sống là vậy.  + Chọn đáp án A  - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.  - HS lắng nghe |
| **2.3. Luyện đọc lại.**  - GV tổ chức cho HS đọc cả bài và xác định giọng đọc đoạn này: Đọc diễn cảm cả bài đọc thể hiện được điểm độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.  - GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp cả bài.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi đọc cả bài, các HS khác lắng nghe, nhận xét (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.toàn bài trước lớp. | - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và tiếp thu. |
| **3. Luyện tập**  - Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài  + Ôn tập lại kiến thức về từ đồng nghĩa và cách sử dụng chúng.  - Cách tiến hành: | |
| + Bài 1: Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.    + Bài 2: Tìm trong các từ dưới đây những cặp từ đồng nghĩa    + Bài 3: Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2 | - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - Các từ có âm đầu hoặc vần giống nhau, tạo sự độc đáo về âm điệu khi đọc, đồng thời các từ này đều giàu sức gợi tả, giúp người đọc hình dung được hình dáng, sự xếp đặt thú vị của các hòn đảo trên vịnh..  - trầm tĩnh, trầm lặng  - quần tụ, quây quần  - vững chắc, vững chãi  - ngắm nhìn, chiêm ngưỡng  - Dân cư quần tụ đông đúc dọc hai bên bờ sông.  - Cả gia đình quây quần bên nhau cùng thưởng thức bữa tối ấm cúng. |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có  nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết  học hiệu quả.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….………………………....

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………

---------------------------------------------------

***Thời gian thực hiện: Thứ năm, ngày 17/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 3: Tiếng Việt**

**Viết: QUAN SÁT PHOMG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết cách quan sát phong cảnh để chuẩn bị cho bài văn tả phong cảnh.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm bài văn tả phong cảnh

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng cảnh đẹp thiên nhiên xung quanh em.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK, VBT, vở ô ly và đồn dùng học tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. HĐ khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Trồng cây trang trí lớp” để khởi động.  + Có mấy cách mở bài trong bài văn tả cây cối và tả con vật.  + Đâu không phải kiểu kết bài trong bài văn miêu tả con vật?  + Cách viết bài văn tả phong cảnh thường có mấy phần?  - GV nêu nhiệm vụ của tiết học: Ở tiết học  này, các em luyện tập cách quan sát phong  cảnh ghi chép kết quả quan sát để có nội dung viết bài văn tả phong cảnh ở những tiết học tiếp theo. | - HS tham gia trò chơi  + C. 2 cách  + B. Kết bài gián tiếp  + C. Mở bài, thân bài, kết bài  - Hs lắng nghe | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu:  + Giúp HS biết cách quan sát phong cảnh: quan sát những gì, quan sát theo trình tự nào, huy động những giác quan nào để quan sát, cảm nhận các đặc điểm của phong cảnh, cách ghi chép kết quả quan sát,...  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Tìm ý cho bài văn**  - GV đọc yêu cầu đề bài: Yêu cầu: Quan sát một cảnh ao hồ, song suối hoặc biển đảo và ghi lại kết quả quan sát.  -GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu BT1: Chuẩn bị   * Lựa chọn phong cảnh để quan sát (cảnh ao, hồ, sông, suối, biển, đảo,…). * Lựa chọn cách quan sát (trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, video,…) * Lựa chọn trình tự quan sát.   a. Theo không gian:   * Từ bao quát toàn cảnh đến từng chi tiết, từng bộ phận (hoặc ngược lại). * Từ gần đến xa (hoặc ngược lại). * Từ trái qua phải (hoặc ngược lại).   b. Theo thời gian:   * Theo thời gian trong ngày. * Theo các mùa trong năm. * Theo sự thay đổi của phong cảnh trong mỗi lần quan sát   + GV tổ chức hoạt động cho HS theo nhóm đôi, yêu cầu HS viết vào VBT.  + GV gợi ý cho HS:   * Chọn phong cảnh để quan sát. * Xác định các quan sát: quan sát trực tiếp, qua tranh ảnh, video,… * Lựa chọn trình tự quan sát. * Chuẩn bị phiếu ghi kết quả quan sát.   + GV mời 1 – 2 nhóm HS trình bày, các nhóm HS lắng nghe và nhận xét.  + GV nhận xét, chốt kiến thức:  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT2: Quan sát và ghi lại kết quả quan sát:    + GV tổ chức hoạt động nhóm đôi cho HS, trình bày ý kiến trước cả lớp.  + GV gợi ý cho HS:   * Khi quan sát phong cảnh, cần sử dụng các giác quan để nhận biết các đặc điểm của phong cảnh. * Khi nêu đặc điểm cụ thể của từng sự vật, hiện tượng, ngoài việc nêu các từ ngữ gợi tả đặc điểm của phong cảnh có thể sử dụng hình ảnh so sánh, nhân hóa. * Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu về đặc điểm bao quát toàn cảnh, về đặc điểm của một số sự vật, hiện tượng,… tiêu biểu, làm nên vẻ đẹp riêng của phong cảnh.   + GV mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS, chốt kiến thức cho HS: | | - HS đọc yêu cầu đề bài.  - HS đọc nhiệm vụ BT  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe gợi ý của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS đọc gợi ý của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu. |
| **Hoạt động 2: Trao đổi bài viết**  -GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT3: Trao đổi về kết quả quan sát:   * Cảnh vật được quan sát. * Đặc điểm của cảnh vật.   + GV cho HS thảo luận, tìm ý trả lời theo hướng dẫn.  + GV gọi 1 – 2 HS trình bày ý kiến.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV có thể khích lệ HS chia sẻ theo các yêu cầu sau:  + Cách quan sát để nhận biết những đặc điểm riêng của một phong cảnh nào đó.  + Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc quan sát (Ví dụ: Đây là một khâu quan trọng, không thể thiếu để viết được bài văn tả phong cảnh hay).  - GV nhắc HS: Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả phong cảnh trong sách báo hoặc trong sách Tiếng Việt đã học ở các lớp trước | - Từng em chia sẻ những điều em biết về cách quan sát phong cảnh và ý nghĩa của việc quan sát trước khi viết bài văn miêu  tả phong cảnh.  - Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả phong cảnh theo hướng dẫn của GV | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….…………………………

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………

**------------------------------------------------**

**Tiết 3: Toán**

**BÀI 17: SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiên thức**

- Học sinh nhận biết được khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 (nếu có) ở tận cùng bên phải của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

- HS làm được các bài tập liên quan đến việc nhận diện hai STP bằng nhau.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học,...

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Máy tính.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động:**  - HS quan sát tranh rồi cho biết:  - Hai bạn đang nói về điều gì? Phần được tô màu của hình thứ nhất là và  cùng bằng 0,5; của hình thứ hai là và cùng bằng 0,50.  - Bạn Voi nói gì?  - GV gợi vấn đề: So sánh 0,5 và 0,50.  - GVNX, giới thiệu bài. | - HS hỏi đáp trước lớp.  - Voi nêu: Phần đirợc tô màu của hai hình bằng nhau.  - HS ghi bài. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **\* Mục tiêu:** HS nhận biết được thế nào là STP bằng nhau. | |
| **\* Cách tiến hành:**  - Thông qua hình ảnh trực quan, hoặc thông qua tính chất cơ bản của phân số. GV giúp HS nhận biết 0,5 = 0.50.  - GV đưa thêm ví dụ đề HS làm rồi nhắc lại nhận xét nêu trên.  - Yêu cầu HS tự lấy ví dụ, viết 1 số thập phân bất kì rồi đố bạn viết 2 số thập phân bằng số thập phân vừa viết. | - HS rút ra nhận xét:  + Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được số thập phân bằng nó.  + Nếu một số thập phân có chữ số 0 ờ tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.  + Mỗi số tự nhiên có thể viết thành một số thập phân mà phần thập phân là những chữ số 0. Vi dụ: 68 = 68,0 = 68,00 = 68,00. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  \* Mục tiêu: - Nhận biết được khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 (nếu có) ở tận cùng bên phải của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1.** a,– GV gọi HS nêu yêu cầu.  - GV gọi HS trình bày và kết luận: 3,100 = 3,1. Vậy hai số thập phân bằng nhau là 3,100 và 3,1.  b) Làm tương tự.  => GV chốt lại kiến thức về cách nhận diện hai STP bằng nhau.  Bài 2:  a. Viết một số thập phân bằng với mỗi số thập phân đã cho.  Hướng dẫn: Viêt thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân đã cho là được một số thập phân bằng nó.  - Hoặc bỏ bớt chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của số thập phân đã cho để được một số thập phân bằng nó. Từ đó, ta có được hai số thập phân bằng với mỗi số thập phân đã cho.  b. GV hướng dẫn HS làm tương tự.  **Bài 3.** HS thảo luận và chỉ ra các câu đúng:   1. 12.40 = 12,4;   b) 25 = 25,0;  d) 1,500 = 1.50.  - GV cùng HS nhận xét, chữa bài.  => Củng cố về STP bằng nhau.  **Bài 4.**  - GV HDHS nhận biết yêu cầu đề bài rồi tiến hành các thao tác:  + Quan sát hình vẽ để nhận biết phân số hoặc số thập phân chỉ số phần đã tô màu của hình vẽ.  + Đối chiếu với câu trả lời của mỗi bạn, từ đó nhận biết bạn nào nói đúng.  - GV cùng HS chữa bài.  **\*Củng cố, dặn dò**  - Tiết học vừa rồi chúng ta đã ôn những nội dungg gì?  - Về nhà các em ôn lại bài học hôm nay. | - HS hoạt động N2.  - Chọn ra hai số thập phân bằng nhau trong các số thập phân đã cho.  - HS làm bài.  - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  - HS làm bài cá nhân.  - 1 HS làm trên bảng lớp.  - HS khác nhận xét.  - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời.  - HS quan sát hình vẽ và thực hiện yêu cầu Gv đưa ra.  - HS đọc yêu cầu rồi so sánh các số thập phân 0,80 và 0,8. Ta có: 0,80 = 0,8.  Trà lời: Lân nói sai.  - HS chia sẻ. |
|  | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….…………………………

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………-----------------------------------------------------

**Buổi chiều**

**Tiết 3: Toán**

**BÀI 18: SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết cách so sánh hai số thập phân và biết sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn (hoặc ngược lại).

- Thực hành sử dụng số thập phân trong đọc, viết các số đo đại lượng.

- HS làm được các bài tập liên quan đến việc so sánh STP.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học,...

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Máy tính.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động**  - HS quan sát tranh rồi cho biết:  + Bạn Voi đang nói gì?  - GV gợi vấn đề: So sánh tuổi thọ trung bình của người dân ở hai nước, ví dụ Thái Lan và Việt Nam rồi cho biết ờ nước nào trong hai nước vừa nêu người dân có tuổi thọ trung bình cao hơn?  Muốn vậy hãy so sánh hai số thập phân 73,56 và 74,35.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài. | - Voi nêu: Đọc bảng rồi thảo luận về tuổi thọ trung bình của người dân một số nước năm 2014. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  \* Mục tiêu: HS biết cách so sánh 2 STP bất kì. | |
| **\* Cách tiến hành:**  1. So sánh 7, 3 và 6, 5  - GV HD HS thực hiện lần lượt các thao tác:  + Phân tích cấu tạo số 7,3 và 6,5 (nhận biết phần nguyên và phần thập phân của từng số). HS hoàn thành bảng như trong SGK.  + HS nhận biết: Đây là hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, và 7 > 6 nên 7,3 > 6,5.  - GV hướng dẫn HS cách so sánh hai số thập phân theo bảng phân tích số; gợi ý cho 1 HS nêu kết luận và viết (hoặc chiếu) lên bảng.  2. So sánh 5,329 và 5,371  - Đây là hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau.  - Yêu cầu HS lần lượt so sánh từng cặp chữ số ở phần thập phân trên cùng một hàng (kể từ trái qua phải), cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau.  - GV gợi ý cho HS nêu kết luận và viết (hoặc chiếu) lên bảng:  - G V quay lại bức tranh khởi động, yêu cầu HS so sánh tuồi thọ trung bình của người dân ở hai nước: Thái Lan và Việt Nam.  => GV chốt lại cách so sánh hai số thập phân. | - HS hoàn thành bảng.  - HS nêu: Nếu phần nguyên của hai số thập phân mà khác nhau thì số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn sẽ lớn hơn.  - HS thực hiện: 3 = 3; 2 <7.  Kết luận 5,329 < 5,371 hay 5,371 > 5.329.  - Nếu phần nguyên của hai số thập phân mà bằng nhau, thì thực hiện các thao tác sau:  + So sánh lần lượt từng cặp chữ số ở phần thập phân trên cùng một hàng (kể từ trái qua phải), cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau.  + Ở cặp chữ số khác nhau đó, chữ số nào lớn hơn thì số thập phân chứa chữ số đó lớn hơn.  - Nếu hai số thập phân có cả phần nguyên và phần thập phân đều bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.  - HS thực hiện so sánh. |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  \* Mục tiêu: HS biết cách so sánh hai STP, tìm được số thập phân lớn nhất, số thập phân bé nhất trong các số đã cho; | |
| **\* Cách tiến hành:**  Bài 1:  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân sau đó đổi vở kiểm tra trong N2.  - GV chấm 1 số bài, nhận xét chung.  => Củng cố cách so sánh hai STP.  Bài 2:  a) Tìm số lớn nhất.  Tìm số bé nhất:  b, Từ việc xác định được số lớn nhất, số bé nhất, HS xếp các số thập phân đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé.  - GV chấm bài, chốt kiến thức.  \* Củng cố, dặn dò  - Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? Về nhà, các em ôn lại cách so sánh, sắp xếp các số thập phân vừa được học. | - HS so sánh số thập phân rồi chọn dấu (>, <, =) thích hợp cho mồi chỗ trống.  - HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  - HS quan sát phần nguyên và phần thập phân của mỗi số thập phân đã cho và nhận thấy số 20,61 là số thập phân lớn nhất vì có phân nguyên lớn nhất.  - HS nhận thấy các số 2,601; 2,610; 2,061 đều có phần nguyên là 2 nên phải so sánh phần thập phân của các số đó. Từ đó, HS tìm ra số 2,061 là số thập phân bé nhất.  - HS tự làm VBT. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….…………………………

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………

**------------------------------------------**

***Thời gian thực hiện: Thứ sáu, ngày 18/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 1: Toán**

**BÀI 18: SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết cách so sánh hai số thập phân và biết sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn (hoặc ngược lại).

- Thực hành sử dụng số thập phân trong đọc, viết các số đo đại lượng.

- HS làm được các bài tập liên quan đến việc so sánh STP.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học,...

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Máy tính.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  - HS quan sát tranh rồi cho biết:  + Bạn Voi đang nói gì?  - GV gợi vấn đề: So sánh tuổi thọ trung bình của người dân ở hai nước, ví dụ Thái Lan và Việt Nam rồi cho biết ờ nước nào trong hai nước vừa nêu người dân có tuổi thọ trung bình cao hơn?  Muốn vậy hãy so sánh hai số thập phân 73,56 và 74,35.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài. | - Voi nêu: Đọc bảng rồi thảo luận về tuổi thọ trung bình của người dân một số nước năm 2014. |

|  |
| --- |
| 2. Hoạt động thực hành, luyện tập  \* Mục tiêu: HS biết cách so sánh hai STP, tìm được số thập phân lớn nhất, số thập phân bé nhất trong các số đã cho. |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 3:  - Gọi Hs đọc và xác định yêu cầu.  a. Phân tích và so sánh cấu tạo của mỗi số thập phân đã cho.  Nhận biết: Nếu 5,6?4 < 5,614 thì? < 1, vậy? = 0. số phải tìm là: 5,604.  - HS tự làm phần b, c.  - GV chấm bài, nhận xét.  => Chốt cách tìm chữ số thích hợp để áp dụng vào dạng bài so sánh hai STP.  **Bài 4.**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu.  - Yêu cầu HS thảo luận N2 để tìm câu trả lời.  - Gv nhận xét chung. Tuyên dương HS làm bài tốt.  **Bài 5.**  - GV HDHS thực hiện thao tác so sánh các so thập phân:  - Ta có: 18,40 < 18,48 và 18,48 < 18,58 nên 18,40 < 18.48 < 18,58.  - Trả lời: Châu là người về đích đầu tiên.  - Gv nhận xét chung | - HS tự làm bài cá nhân.  - 1 HS lên bảng làm bài.  - HS khác chữa bài, nhận xét.  0,9 < 1 <1,2.  84,97 < 85 < 85,14.  - HS quan sát hình vẽ để nhận biết con đường màu xanh dài 0,8 km; đường màu đỏ dài 0,74 km. Có 0,74 < 0,8. Trả lời: Nguyên nên chọn con đường tô màu đỏ.  - HS trả lời trước lớp.  - HS khác nhận xét. |
| 3. Hoạt động vận dụng  \* Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào xử lí bài toán liên quan đến thực tế cuộc sống. | |
| **\* Cách tiến hành:**  Bài 6:  a). HS hỏi và ghi chép chiều cao của mọi người trong gia đình.  b). HS so sánh các số đo chiều cao vừa ghi được rồi viết tên các thành viên trong gia đình theo thứ tự từ người thấp nhất đến người cao nhất.  \* Củng cố, dặn dò  - Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? Về nhà, các em ôn lại cách so sánh, sắp xếp các số thập phân vừa được học. | - HS tự thực hiện.  - HS trả lời. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….…………………………

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………….………………………------------------------------------------------------

**Tiết 2: Công nghệ**

**BÀI 3: NHÀ SÁNG CHẾ ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẶT**

**1. Kiến thức**

- Thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.

- Một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học: Hình thành phương pháp tự đọc hiểu tài liệu; vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hình thành thói quen trao đổi, hỗ trợ hợp tác với nhau trong học tập.

- Năng lực nhận thức công nghệ: Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.

- Năng lực giao tiếp công nghệ: Nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: HS chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, SGK, Các hình ảnh trong SGK Bài 3, máy tính, máy chiếu, phiếu bài tập.

**2. Học sinh**

- Vở ghi, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.  **b. Cách tiến hành**  - GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi:  Sáng chế trong hình có tên là gì? Em có biết ai đã phát minh ra sáng chế này không?    - GV mời đại diện 2,3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học: Bóng đèn sợi đốt là một sáng chế nổi bật của Tô-mát Ê-đi-xơn. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người và một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế. Chúng ta cùng vào **Bài 3 – Nhà sáng chế (Tiết 2)** | - 2,3 HS trả lời.  - HS lắng nghe ghi đầu bài. |

|  |
| --- |
| 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.  Hoạt động 3: Tìm hiểu về một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.  \* Mục tiêu: HS nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu HS dựa vào thông tin SGK trang 17, thảo luận nhóm 4:  - Nêu một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.    - GV mời đại diện 1 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm còn lại lắng nghe và bổ sung.  - GV nhận xét và chốt lại đáp án.  - GV cho HS đọc mục Em có biết? SGK trang 18.  **Hoạt động 4: Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?**  **a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.  **b. Cách thực hiện:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò Ai nhanh, ai đúng? theo nhóm đôi:  ? Em hãy chọn các thẻ chỉ đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.    - GV mời đại diện 1 cặp trình bày trước lớp. Các HS còn lại lắng nghe và nhận xét.  - GV nhận xét, chốt lại đáp án. | - Đại diện HS trình bày:  Một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế: chăm chỉ học tập, kiên trì theo đuổi ước mơ, có ý tưởng sáng tạo, tò mò khoa học, chấp nhận khó khăn, có óc quan sát,...  - HS lắng nghe.  - HS đọc mục Em có biết?.  - HS nhóm đôi chơi trò chơi.  - HS trình bày:  Các thẻ chỉ đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế:  1. Kiên trì.  2. Chấp nhận khó khăn.  3. Sáng tạo.  4. Chăm chỉ.  6. Có óc quan sát.  7. Tò mò khoa học.  - HS lắng nghe. |
| **3. HĐ luyện tập**  **\* Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về thông tin một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử và đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế. | |
| **\* Cách tiến hành:**  - GV phát phiếu bài tập, yêu cầu HS cá nhân hoàn thành phiếu bài tập.  - GV chữa bài. Mỗi 1 câu hỏi, GV mời 1,2 HS trả lời. Các HS còn lại lắng nghe và nhận xét.  - GV nhận xét, chốt lại đáp án. | - HS thực hiện cá nhân.  - HS trình bày đáp án:  Câu 1. D.  Câu 2. A.  Câu 3. D.  Câu 4. C.  Câu 5. B.  - HS lắng nghe. |
| **4. HĐ vận dụng**  **\* Mục tiêu:** HS vận dụng tìm hiểu các thông tin liên quan về một sản phẩm công nghệ yêu thích. | |
| **\* Cách tiến hành:**  - GV cho HS xem video [những mô hình xe đạp đầu tiên trên thế giới từ năm 1818 đến 1890](https://youtu.be/th5sJBww86s?si=BbfrkmxpSTIDTflL).  - GV giới thiệu về lịch sử ra đời của xe đạp: Khái niệm đầu tiên về xe đạp xuất hiện từ đầu thế kỉ XIX. Nam tước người Đức – Karl von Drais đã có ý tưởng phát minh một phương tiện dùng sức người và có thể giúp ông di chuyển nhanh quanh khu vườn hoàng gia. Năm 1817, ông đã trình làng một chiếc xe “đi bộ” có tên Laufmaschine (trong tiếng Đức có nghĩa là “cỗ máy chạy bằng chân”). Chiếc xe nặng 22 kg với cấu tạo gồm hai bánh xe bằng gỗ được bọc sắt có kích thước bằng nhau và được lắp thẳng hàng trên một chiếc khung gỗ. Bánh trước có thể lái được và bánh sau được trang bị một chiếc phanh. Chiếc xe được vận hành bằng cách người điều khiển sẽ đẩy chân xuống đất ra phía sau và nó sẽ tiến phía trước. Ông được cấp bằng sáng chế thương mại cho phát minh này vào năm 1818.  Karl Drais - WikipediaLịch sử ra đời và phát triển của xe đạp  Karl von Drais và chiếc xe đạp do ông sáng chế năm 1817  - GV yêu cầu HS vận dụng về nhà: Lựa chọn một sản phẩm công nghệ mà em yêu thích và tìm hiểu các thông tin liên quan (người sáng chế, lịch sử ra đời).  **\* Củng cố**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* Dặn dò**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn tập kiến thức đã học.  + Về nhà tìm hiểu các thông tin liên quan về một sản phẩm công nghệ mà em yêu thích.  + Đọc và tìm hiểu Bài 4. Thiết kế sản phẩm công nghệ. | - HS xem video.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS chú ý lắng nghe, thực hiện. |

**PHỤ LỤC**

|  |
| --- |
| Họ tên:………………………………………  **PHIẾU BÀI TẬP**  **Câu 1.** Chiếc ô tô đầu tiên do ai sáng chế ra?  Chiếc Ô Tô Đầu Tiên Trên Thế Giới – Toyzone.vn  A. Giôn Lo-gi Ba.  B. Hai anh em nhà Rai.  C. Tô-mát Ê-đi-xơn.  D. Các Ben.  **Câu 2.** Nhà sáng chế nào được gọi là “Cha đẻ của ti vi và truyền hình vô tuyến”?  Ngày 27/1: Baird phát minh chiếc ti vi màu đầu tiên trên thế giới  A. Giôn Lo-gi Ba.  B. Hai anh em nhà Rai.  C. Tô-mát Ê-đi-xơn.  D. Các Ben.  **Câu 3.** Nhà sáng chế nào được gọi là “Người tạo ra Mặt Trời thứ hai cho nhân loại”?    A. Giôn Lo-gi Ba.  B. Hai anh em nhà Rai.  C. Các Ben.  D. Tô-mát Ê-đi-xơn.  **Câu 4.** Những nhà sáng chế nào được coi là “Người chắp cánh cho nhân loại”?  Chiếc máy bay đầu tiên trong lịch sử cất cánh - HỘI KỶ LỤC GIA VIỆT NAM -  TỔ CHỨC KỶ LỤC VIỆT NAM(VIETKINGS)  A. Tô-mát Ê-đi-xơn và Các Ben.  B. Uy-bơ Rai và Các Ben.  C. Uy-bơ Rai và O-vơ Rai.  D. Giôn Lo-gi Ba và Tô-mát Ê-đi-xơn.  **Câu 5.** Đức tính nào dưới đây **không** cần có để trở thành nhà sáng chế?  Hình nền Nền Một Minh Họa Của Một Nhà Khoa Học Già Trong áo Khoác Phòng Thí  Nghiệm Của Mình Nền, Nhà Khoa Học Vẽ Tranh, đang Vẽ, Mỹ Thuật Background  Vector  A. Kiên trì.  B. Hài hước.  C. Sáng tạo.  D. Chăm chỉ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY.**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**----------------------------------------------**

**Tiết 3: Tiếng Việt**

**NÓI VÀ NGHE: BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thảo luận vấn đề bảo tồn động vật hoang dã.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm trình bày ý kiến trước lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý và bảo vệ những loài động vật hoang dã.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK, VBT, vở ô ly và đồn dùng học tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV chiếu đoạn clip về nguy cơ tuyệt chủng của các loài động vật hoang dã, HS xem và trả lời câu hỏi:  + Theo em, đoạn clip vừa xem đã phản ánh tình trạng gì của các loài động vật hoang dã? Muốn các loài động vật hoang dã không phải đối diện với tình trạng đó, chúng ta cần làm gì?  - GV nhận xét câu trả lời, dẫn dắt HS vào bài và ghi tên bài lên bảng. | - HS xem video  - Đoạn clip trên phản ảnh tình trạng các loài động vật đang dần biến mất, có nguy  cơ tuyệt chủng. Muốn các loài động vật đó không bị tuyệt chủng, chúng ta cần có những biện pháp bảo vệ chúng  - HS lắng nghe và ghi tên bài | | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu:  + Nhận biết được các kiến thức liên quan đến chủ đề bảo tồn các loài động vật.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Hoạt động 1: Chuẩn bị các tư liệu về động vật hoang dã**  - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT 1 theo những yêu cầu sau:  + Tìm hiểu về động vật hoang dã và việc bảo tồn động vật hoang dã qua sách báo, in-tơ-nét:  **G:** Một số cuốn sách về động vật hoang dã: Sinh vật trú ẩn và săn mồi (Rắt Ô-oen), Khám phá rừng già – Động vật hoang dã (Xti Pa-cơ),…  + Ghi chép các thông tin quan trọng về những hoạt động bảo vệ động vật hoang dã.  **-** GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân:  + Chọn một loài động vật hoang dã và vấn đề đang bị đe dọa đối với loài động vật này. Khi giới thiệu loài động vật hoang dã, làm rõ vai trò của chúng đối với cuộc sống?  + Những nội dung cần lưu ý khi nhắc tới việc bảo tồn:  - Nêu rõ lý do tại sao loài động vật ấy cần được bảo tồn? VD: bị săn bắn, khai thác bừa bãi; môi trường sống bị ảnh hưởng bởi thiên nhiên và con người,….  - Chỉ ra các hoạt động bảo tồn? VD: kêu gọi, tuyên truyền, xây các bảo tàng, khu bảo tồn,…  - GV mời 1 – 2 HS trình bày bài làm của mình, các HS khác theo dõi và nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc yêu cầu đề bài.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS trình bày bài làm của mình.  - HS lắng nghe, tiếp thu. | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT2: Thảo luận:  + Người điều hành nêu nội dung thảo luận.  + Từng bạn trình bày ý kiến đã chuẩn bị. Ví dụ:  - Thực tế: Nhiều loài động vật đang có nguy cơ tuyệt chủng, bị săn bắt, buôn bán trái phép; rừng bị chặt phá khiến môi trường sống của động vật hoang dã bị đe dọa;…  - Những việc cần làm: Lập các khu bảo tồn; tuyên truyền vận động không chặt phá rừng, không săn bắt, không buôn bán động vật hoang dã;…  + Cả nhóm trao đổi, góp ý và thống nhất ý kiến:  - Khẳng định tầm quan trọng của việc bảo tồn động vật hoang dã.  - Nhấn mạnh những việc cần làm để bảo tồn động vật hoang dã.  - GV gợi ý cho HS:  + Nêu hiện trạng của loài động vật đó.  + Những việc cần làm  + Vai trò của chúng  + Nhấn mạnh việc bảo tồn động vật hoang dã  - GV tổ chức hoạt động thảo luận cho HS, GV khuyến khích HS nêu câu hỏi và có những phản biện thể hiện quan điểm cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS đọc bài cá nhân của mình, các HS theo dõi và cho ý kiến.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS lắng nghe hướng dẫn của GV.  - HS thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu. | |
| **3. HĐ luyện tập.**  - Mục tiêu:  + HS củng cố kiến thức đã học và thực hành trên lớp.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Hoạt động 3: Đánh giá các câu chuyện kể**  - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT3: Đánh giá  - GV tổ chức hoạt động cho HS hoạt động theo nhóm đôi, GV gợi ý cho HS:  + Những thông tin quan trọng đối với việc bảo tồn động vật hoang dã  + Những ý kiến hay về việc làm thế nào để bảo tồn động vật hoang dã  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, các HS khác lắng nghe.  - GV đánh giá, nhận xét hoạt động của HS | | | - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe, phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe. |
| **4. HĐ Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS: Sưu tầm tranh ảnh và tìm đọc thêm những thông tin về vịnh Hạ Long  + GV tổ chức hoạt động cho HS bằng kĩ thuật Phòng tranh và Mảnh ghép:  + GV gợi ý cho HS:  - Sưu tầm các ảnh về vịnh Hạ Long  - Tổng hợp các thông tin trong sách. báo, in – tơ – net về vịnh Hạ Long  + GV mời 1 – 2 HS phát biểu.  - GV nhận xét, chốt hoạt động của HS. | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện hoạt động  - HS làm theo gợi ý của GV.  - HS phát biểu ý kiến  - HS lắng nghe, tiếp thu. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………….…………………………

…………………………………………………….……………………………………